

Số: **104** /QĐ-TTGDQPAN

Gia Lai, ngày 22 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh
Khóa 50, năm học 2024-2025 cho sinh viên trình độ cao đẳng của
Trường Cao đẳng Cơ điện – Xây dựng và Nông lâm Trung bộ**

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Căn cứ Quyết định số 1047/QĐ-BGDĐT, ngày 26/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 2861/QĐ-BQP, ngày 24/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc điều chỉnh, bổ sung danh sách liên kết giáo dục quốc phòng và an ninh;

Căn cứ Thông tư số 10/2018/TT-BLDTBXH, ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư 04/2022/TT-BLDTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-TTGDQPAN, ngày 12/6/2024 của Giám đốc Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Quy Nhơn ban hành Quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh;

Căn cứ kết luận của Chủ tịch Hội đồng xét công nhận kết quả học tập môn học, cấp Chứng chỉ giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên Khóa 50, tại phiên họp ngày 22/7/2025;

Theo đề nghị của Trường Phòng Đào tạo & Quản lý sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh Khóa 50, năm học 2024-2025 cho 106 sinh viên đào tạo trình độ cao đẳng (có danh sách kèm theo) của Trường Cao đẳng Cơ điện – Xây dựng và Nông lâm Trung bộ.

Điều 2. Ông (bà) Trưởng Phòng Đào tạo & Quản lý sinh viên, Trưởng các đơn vị và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Trường Cao đẳng Cơ điện – Xây dựng và Nông lâm Trung bộ;
- Đăng website;
- Lưu: VT, PDTQLSV.

GIÁM ĐỐC



PGS.TS. Đoàn Đức Tùng

DANH SÁCH XÉT KẾT QUẢ HỌC TẬP CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
KHÓA 50, NĂM HỌC 2024-2025

TRƯỜNG LIÊN KẾT: TRƯỜNG CAO ĐẲNG CƠ ĐIỆN - XÂY DỰNG VÀ NÔNG LÂM TRUNG BỘ

HP1: Giáo dục quốc phòng và an ninh 1 (02 tín chỉ - MHP 119006); HP2: Giáo dục quốc phòng và an ninh 2 (01 tín chỉ - MHP 119007)

(Bản hành kèm theo Quyết định số 104 /QĐ-TTGDQPAN ngày 22/7/2025 của Giám đốc Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nghành học	HP1	HP2	ĐTB	ĐTB	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
1	49C.SH2.01	Trần Văn Cường	03/7/1985	Nam	Công nghệ sinh học	8.0	9.1	8.37		Giỏi	Đạt	
2	49C.SH2.03	Đỗ Thị Thu Hương	30/11/1988	Nữ	Công nghệ sinh học	8.0	7.3	7.77		Khá	Đạt	
3	49C.SH2.06	Nguyễn Nam Phú	09/3/1988	Nam	Công nghệ sinh học	7.3	8.7	7.77		Khá	Đạt	
4	49C.SH2.07	Đoàn Minh Duy	11/9/1990	Nam	Công nghệ sinh học	7.9	9.0	8.27		Giỏi	Đạt	
5	49C.SH2.08	Nguyễn Tuy Hải	20/6/1979	Nam	Công nghệ sinh học	8.1	9.5	8.57		Giỏi	Đạt	
6	49C.SH2.10	Quách Trọng Hùng	20/8/1987	Nam	Công nghệ sinh học	7.9	9.1	8.30		Giỏi	Đạt	
7	49C.SH2.11	Nguyễn Ngọc Tuấn	02/02/1983	Nam	Công nghệ sinh học	8.0	8.5	8.17		Giỏi	Đạt	
8	49C.SH2.12	Nguyễn Duy Kiệt	11/02/1983	Nam	Công nghệ sinh học	8.0	9.1	8.37		Giỏi	Đạt	
9	49C.TC1.06	Đỗ Hồng Truyển	18/10/2003	Nam	Vận hành máy thi công nền	7.0	8.6	7.53		Khá	Đạt	
10	49C.TY1.02	Đinh Thị Cha	5/3/1999	Nữ	Thú y	7.5	9.1	8.03		Giỏi	Đạt	
11	49C.TY2.02	Nguyễn Trung Chiến	28/10/2005	Nam	Thú y	7.0	8.9	7.63		Khá	Đạt	
12	49C.TY2.16	Đỗ Thị Thanh Lịch	14/08/2005	Nữ	Thú y	7.9	9.9	8.57		Giỏi	Đạt	
13	49C.TY3.17	Đinh Thị Trinh	3/2/2000	Nữ	Thú y	7.3	9.9	8.17		Giỏi	Đạt	
14	49C.TY3.22	Đinh Thị Yên	02/01/1994	Nữ	Thú y	7.9	9.9	8.57		Giỏi	Đạt	
15	50C.OT1.01	Lê Quốc Đăng	14/9/2005	Nam	Công nghệ ô tô	7.0	8.7	7.57		Khá	Đạt	
16	50C.OT1.02	Nguyễn Ngọc Bảo Minh	15/5/2006	Nam	Công nghệ ô tô	7.1	9.9	8.03		Giỏi	Đạt	
17	50C.OT1.03	Ngô Trần Chí Minh	24/11/2003	Nam	Công nghệ ô tô	7.1	5.8	6.67		Trung bình	Đạt	
18	50C.OT1.04	Nguyễn Châu Phi	08/01/1999	Nam	Công nghệ ô tô	7.1	9.7	7.97		Khá	Đạt	
19	50C.OT1.05	Trần Vinh	11/7/2004	Nam	Công nghệ ô tô	7.5	9.3	8.10		Giỏi	Đạt	
20	50C.OT1.06	Vô Quang Huy	28/02/2005	Nam	Công nghệ ô tô	7.1	9.7	7.97		Khá	Đạt	
21	50C.SH1.03	Hà Tuấn Kiệt	22/9/1981	Nam	Công nghệ sinh học	7.7	9.1	8.17		Giỏi	Đạt	
22	50C.SH1.10	Phạm Ngọc Tú	03/4/1991	Nam	Công nghệ sinh học	7.7	7.6	7.67		Khá	Đạt	
23	50C.TC1.01	Trần Khánh Đăng	24/3/2006	Nam	Vận hành máy thi công nền	7.0	9.3	7.77		Khá	Đạt	
24	50C.TV1.03	Đinh Văn Kin	27/02/1995	Nam	Bảo vệ thực vật	7.0	9.9	7.97		Khá	Đạt	
25	50C.TV1.04	Phạm Thị Nga	20/8/1997	Nữ	Bảo vệ thực vật	7.0	8.5	7.50		Khá	Đạt	
26	50C.TV1.05	Đinh Thị Nhung	01/8/2005	Nữ	Bảo vệ thực vật	7.0	8.8	7.60		Khá	Đạt	



TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành học	HP1	HP2	ĐTB	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
27	50C.TV1.08	Đinh Thị	Thí	Nữ	Bảo vệ thực vật	7.0	7.6	7.20	Khá	Đạt	
28	50C.TV1.09	Đinh Thị	Tiết	Nữ	Bảo vệ thực vật	1	1	1	1	Không đạt	Hoàn thi HP1, HP2
29	50C.TV1.12	Đinh Thị	Viên	Nữ	Bảo vệ thực vật	7.1	7.9	7.37	Khá	Đạt	
30	50C.TV1.13	Đinh Thị	Yên	Nữ	Bảo vệ thực vật	7.3	6.7	7.10	Khá	Đạt	
31	50C.TV1.15	Đinh Hoàng	Vũ	Nam	Bảo vệ thực vật	7.3	9.6	8.07	Giỏi	Đạt	
32	50C.TV1.16	Đinh Văn	Khuân	Nam	Bảo vệ thực vật	7.0	M	7.00	Khá	Đạt	
33	50C.TV1.17	Lê Văn	Hậu	Nam	Bảo vệ thực vật	7.0	M	7.00	Khá	Đạt	
34	50C.TV1.18	Đinh Thị	Hiết	Nữ	Bảo vệ thực vật	7.0	9.1	7.70	Khá	Đạt	
35	50C.TV1.03	Nguyễn Hoàng Kỳ	Anh	Nam	Thú y	7.1	9.9	8.03	Giỏi	Đạt	
36	50C.TV1.04	Sô Minh	Bình	Nam	Thú y	7.4	9.9	8.23	Giỏi	Đạt	
37	50C.TV1.06	Phan Huy	Cang	Nam	Thú y	7.4	9.3	8.03	Giỏi	Đạt	
38	50C.TV1.07	Huỳnh Quang	Dạt	Nam	Thú y	7.0	7.7	7.23	Khá	Đạt	
39	50C.TV1.08	Nguyễn Thị Thúy	Diễm	Nữ	Thú y	7.0	7.9	7.30	Khá	Đạt	
40	50C.TV1.09	Lương Thanh	Độ	Nam	Thú y	7.3	9.3	7.97	Khá	Đạt	
41	50C.TV1.11	Xa Văn	Hiếu	Nam	Thú y	7.0	9.2	7.73	Khá	Đạt	
42	50C.TV1.12	Đinh Văn	Huyền	Nam	Thú y	7.0	9.2	7.73	Khá	Đạt	
43	50C.TV1.13	Tần Gia	Khánh	Nam	Thú y	7.1	9.9	8.03	Giỏi	Đạt	
44	50C.TV1.14	Đinh Thị	Khí	Nữ	Thú y	7.9	8.9	8.23	Giỏi	Đạt	
45	50C.TV1.15	Trương Văn	Lâm	Nam	Thú y	7.1	9.5	7.90	Khá	Đạt	
46	50C.TV1.17	Bùi Tấn	Minh	Nam	Thú y	7.1	9.1	7.77	Khá	Đạt	
47	50C.TV1.18	Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	Thú y	7.9	8.8	8.20	Giỏi	Đạt	
48	50C.TV1.19	Phạm Thị Kim	Oanh	Nữ	Thú y	7.1	9.1	7.77	Khá	Đạt	
49	50C.TV1.20	Đinh Văn	Sách	Nam	Thú y	7.9	9.3	8.37	Giỏi	Đạt	
50	50C.TV1.22	Đặng Minh	Sỹ	Nam	Thú y	7.9	9.7	8.50	Giỏi	Đạt	
51	50C.TV1.23	Đinh Văn	Trọng	Nam	Thú y	7.1	7.3	7.17	Khá	Đạt	
52	50C.TV1.25	Võ Đình	Trường	Nam	Thú y	7.0	9.7	7.90	Khá	Đạt	
53	50C.TV1.26	Tạ Lê Thanh	Tuân	Nam	Thú y	7.0	9.3	7.77	Khá	Đạt	
54	50C.TV1.27	Mai Hoài	Vọng	Nam	Thú y	7.0	M	7.00	Khá	Đạt	
55	50C.TV1.28	Lương Quốc	Vũ	Nam	Thú y	7.6	9.1	8.10	Giỏi	Đạt	
56	50C.TV1.29	Võ Duy	Vỹ	Nam	Thú y	7.1	9.1	7.77	Khá	Đạt	
57	50C.TV1.32	Lê Ngọc	Quân	Nam	Thú y	7.1	9.3	7.83	Khá	Đạt	
58	50C.DC1.01	Trần Đức	Hoàng	Nam	Điện công nghiệp	7.0	9.3	7.77	Khá	Đạt	
59	51C.OT1.01	Phạm Dương Tôn	Bào	Nam	Công nghệ ô tô	7.0	10.0	8.00	Giỏi	Đạt	
60	51C.OT1.02	Nguyễn Minh	Đức	Nam	Công nghệ ô tô	7.0	9.7	7.90	Khá	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành học	HP1	HP2	ĐTBCTC	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
61	51C.OT1.03	Lại Minh	28/02/2003	Nam	Công nghệ ô tô	7.0	7.9	7.30	Khá	Đạt	
62	51C.SH1.01	Đinh Văn	12/7/1997	Nam	Công nghệ sinh học	7.3	M	7.30	Khá	Đạt	
63	51C.SH1.02	Đinh Thị	06/8/1999	Nữ	Công nghệ sinh học	7.4	8.5	7.77	Khá	Đạt	
64	51C.SH1.03	Đinh Thị Trường	28/7/2004	Nữ	Công nghệ sinh học	7.1	8.8	7.67	Khá	Đạt	
65	51C.SH1.06	Đinh Thị	24/7/2003	Nữ	Công nghệ sinh học	7.1	8.8	7.67	Khá	Đạt	
66	51C.SH1.13	Đinh Thị	12/7/1993	Nữ	Công nghệ sinh học	7.0	9.3	7.77	Khá	Đạt	
67	51C.SH1.15	Đinh Thị	08/6/2002	Nữ	Công nghệ sinh học	7.3	9.3	7.97	Khá	Đạt	
68	51C.SH1.16	Đinh Thị	05/3/1997	Nữ	Công nghệ sinh học	7.1	9.3	7.83	Khá	Đạt	
69	51C.SH1.18	Đinh Thị Kiều	09/9/2005	Nữ	Công nghệ sinh học	7.1	9.3	7.83	Khá	Đạt	
70	51C.SH1.19	Đinh Thị	29/11/1999	Nữ	Công nghệ sinh học	7.0	9.9	7.97	Khá	Đạt	
71	51C.SH1.20	Đinh Thị	12/01/2005	Nữ	Công nghệ sinh học	6.3	9.1	7.23	Khá	Đạt	
72	51C.SH1.21	Đinh Thị	25/5/2002	Nữ	Công nghệ sinh học	6.7	8.7	7.37	Khá	Đạt	
73	51C.SH1.22	Đinh Thị	29/6/2004	Nữ	Công nghệ sinh học	7.3	8.7	7.77	Khá	Đạt	
74	51C.SH1.23	Đinh Thị Hồng	16/10/2003	Nữ	Công nghệ sinh học	7.1	8.5	7.57	Khá	Đạt	
75	51C.SH1.24	Đinh Thị	15/9/2004	Nữ	Công nghệ sinh học	8.0	9.9	8.63	Giỏi	Đạt	
76	51C.SH1.26	Đinh Thị	17/6/2003	Nữ	Công nghệ sinh học	7.4	8.8	7.87	Khá	Đạt	
77	51C.SH1.27	Đinh Thị	09/7/2001	Nữ	Công nghệ sinh học	7.4	8.5	7.77	Khá	Đạt	
78	51C.SH1.28	Đinh Thị Mỹ	15/4/2002	Nữ	Công nghệ sinh học	7.1	9.1	7.77	Khá	Đạt	
79	51C.SH1.29	Đinh Thị	10/02/1995	Nữ	Công nghệ sinh học	7.1	9.9	8.03	Giỏi	Đạt	
80	51C.TV1.01	Đinh Thị Kim	01/9/2005	Nữ	Bảo vệ thực vật	7.0	7.6	7.20	Khá	Đạt	
81	51C.TV1.04	Đinh Trung	01/4/1998	Nam	Bảo vệ thực vật	7.4	7.3	7.37	Khá	Đạt	
82	51C.TV1.05	Đinh Thị	03/5/2001	Nữ	Bảo vệ thực vật	7.3	9.1	7.90	Khá	Đạt	
83	51C.TV1.06	Đinh Thị	01/3/2001	Nữ	Bảo vệ thực vật	7.0	9.1	7.70	Khá	Đạt	
84	51C.TV1.08	Đinh Thị	01/02/2003	Nữ	Bảo vệ thực vật	7.3	9.6	8.07	Giỏi	Đạt	
85	51C.TV1.13	Đinh Thị	01/7/1998	Nữ	Bảo vệ thực vật	7.0	7.3	7.10	Khá	Đạt	
86	51C.TV1.16	Đinh Thị	03/3/2000	Nữ	Bảo vệ thực vật	7.0	9.3	7.77	Khá	Đạt	
87	51C.TV1.18	Đinh Thị Y	22/9/2005	Nữ	Bảo vệ thực vật	7.0	8.8	7.60	Khá	Đạt	
88	51C.TV1.19	Đinh Thị Quỳnh	11/6/2005	Nữ	Bảo vệ thực vật	7.0	9.1	7.70	Khá	Đạt	
89	51C.TV1.20	Nguyễn Xuân	20/01/1997	Nam	Bảo vệ thực vật	8.0	M	8.00	Giỏi	Đạt	
90	51C.TV1.22	Đinh Thị	20/8/1989	Nữ	Bảo vệ thực vật	7.0	9.6	7.87	Khá	Đạt	
91	51C.TV1.23	Đinh Thị	23/3/2000	Nữ	Bảo vệ thực vật	7.6	9.3	8.17	Giỏi	Đạt	
92	51C.TV1.25	Đinh Thị	22/6/2004	Nữ	Bảo vệ thực vật	7.6	9.0	8.07	Giỏi	Đạt	
93	51C.TV1.26	Đinh Thị	08/6/2001	Nữ	Bảo vệ thực vật	8.0	8.7	8.23	Giỏi	Đạt	
94	51C.TV1.27	Đinh Thị	12/12/1990	Nữ	Bảo vệ thực vật	7.4	9.3	8.03	Giỏi	Đạt	
95	51C.TV1.28	Đinh Thị Kim	09/10/1994	Nữ	Bảo vệ thực vật	7.0	8.5	7.50	Khá	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành học	HP1	HP2	DTBC	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
96	51C.TV1.29	Đinh Thị Khuê	09/8/2006	Nữ	Bảo vệ thực vật	6.4	8.8	7.20	Khá	Đạt	
97	51C.TV1.31	Đinh Thị Nàng	19/8/2000	Nữ	Bảo vệ thực vật	7.3	9.3	7.97	Khá	Đạt	
98	51C.TV1.32	Đinh Thị Tâm	19/6/1996	Nữ	Bảo vệ thực vật	7.0	9.3	7.77	Khá	Đạt	
99	51C.TV1.33	Đinh Thị Yến	17/11/2003	Nữ	Bảo vệ thực vật	7.4	7.5	7.43	Khá	Đạt	
100	51C.TV1.02	Trần Vũ Đạt	02/11/2003	Nam	Thú y	7.1	M	7.10	Khá	Đạt	
101	51C.TV1.03	Nguyễn Văn Lộc	24/7/2004	Nam	Thú y	7.0	M	7.00	Khá	Đạt	
102	51C.DC1.01	Phạm Lưu Hoàn	29/8/2004	Nam	Điện công nghiệp	6.4	M	6.40	Trung bình	Đạt	
103	51C.DC1.02	Trương Võ Ngọc Vũ	30/8/2004	Nam	Điện công nghiệp	6.4	7.7	6.83	Trung bình	Đạt	
104	51C.DC1.03	Mai Nhật Khang	16/10/2002	Nam	Điện công nghiệp	6.5	8.5	7.17	Khá	Đạt	
105	51C.DC1.04	Nguyễn Ngọc Tinh	15/7/2006	Nam	Điện công nghiệp	6.5	9.3	7.43	Khá	Đạt	
106	51L.OT1.212	Nguyễn Hùng Lê Phương	12/10/2006	Nam	Công nghệ ô tô	6.4	9.1	7.30	Khá	Đạt	

Số sinh viên đạt: 105; Số sinh viên không đạt: 1

Gia Lai, ngày 22 tháng 7 năm 2025

NGƯỜI LẬP BẢNG

PHÒNG ĐT&QLSV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TRƯỜNG KHOA

GIÁM ĐỐC

CN. Lê Văn Lợi

CN. Trần Thế Hưng

ThS. Nguyễn Thanh Ngọc



PGS.TS. Đoàn Đức Tùng